

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Nông Công I, huyện Nông Công

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4
năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số
06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về
quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số
10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết
một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2024 của
UBND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, sửa chữa Trường THPT
Nông Công I, huyện Nông Công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 45/SXD-HĐXD ngày
03 tháng 01 năm 2025 về việc phê duyệt dự án Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Nông
Công I, huyện Nông Công (kèm theo hồ sơ Dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Nông Công I,
huyện Nông Công với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Nông Công I, huyện
Nông Công.

2. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Trường THPT Nông Cống I, thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nông Cống.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và Đầu tư Thanh Hóa.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, công trình dân dụng, cấp III.

7. Mục tiêu dự án: Nhằm đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của Trường THPT Nông Cống I, huyện Nông Cống.

8. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu

8.1. Hạng mục: Cải tạo nhà hiệu bộ.

- Tường nhà: Bóc bỏ lớp vữa tường chân móng, trát và ốp gạch thẻ hoàn thiện. Đục bỏ lớp vữa trát tường trong và ngoài nhà tại các vị trí ẩm mốc, bong tróc, trát lại bằng vữa xi măng, các vị trí còn lại cạo bỏ lớp sơn cũ. Lăn sơn lại toàn bộ bằng sơn 01 lớp lót và 02 lớp phủ. Tại các vị trí dầm, cột, sàn bị nứt, đục lớp trát dọc theo vết nứt, trát lại hoàn thiện.

- Trần nhà: Đục bỏ lớp vữa trát tại các vị trí ẩm mốc, bong tróc, trát lại bằng vữa xi măng, các vị trí còn lại cạo bỏ lớp sơn cũ. Lăn sơn lại toàn bộ 01 lớp lót và 02 lớp phủ.

- Hệ thống cửa, hoa sắt, lan can: Tháo dỡ hệ thống cửa, vách kính hiện trạng, phá dỡ ô thoáng xây gạch hoa gió thang bộ thay thế bằng cửa, vách bằng khung nhôm hệ kính an toàn 6,38 mm; tháo dỡ, thay thế hoa sắt cửa sổ; tháo dỡ con tiện xi măng mặt trước và mặt bên, thay thế bằng lan can inox hộp.

- Bậc thang bộ, tam cấp: Bóc bỏ toàn bộ lớp granito bậc thang bộ, lớp đá bậc tam cấp, lát lại bằng đá granite.

- Sê nô mái, mái sảnh: Bóc bỏ lớp vữa trát lòng và thành sê nô, vệ sinh xử lý chống thấm và lán vữa tạo dốc về ga thu nước.

- Phần mái: Phá dỡ bể nước cũ trên mái, tháo dỡ và thay thế toàn bộ hệ thống xà gồ, mái tôn cũ.

- Phòng hội trường: Tháo dỡ, thay thế hệ thống vách sân khấu cũ bằng vách gỗ MDF khung xương thép hộp, vách thạch cao; đóng trần thạch cao giạt cấp, thay mới hệ thống đèn chiếu sáng; tháo dỡ thay thế điều hòa, lắp bổ sung loa treo tường; ốp chân tường bằng gạch giả gỗ; tháo dỡ, thay thế khẩu hiệu, biểu tượng; mua sắm bục phát biểu, bục tượng bác Hồ.

- Phòng hiệu trưởng: Tháo dỡ, thay thế trần thạch cao, thay mới hệ thống đèn chiếu sáng; tháo dỡ, thay thế điều hòa treo tường. Phá dỡ lớp lát nền cũ, lát lại bằng gạch granite kích thước (600 x 600) mm.

- Khu vệ sinh: Thay thế các thiết bị vệ sinh; riêng đối với vệ sinh phòng hiệu trưởng phá dỡ, ốp lát lại tường, nền khu vệ sinh, thay thế trần nhựa.

- Tháo dỡ, thay thế hệ thống thoát nước mái (đường ống thoát nước, cầu chắn rác).

8.2. Hạng mục: Cải tạo nhà lớp học 03 tầng 15 phòng.

- Tường nhà: Bóc bỏ lớp vữa tường chân móng, trát và ốp gạch thẻ hoàn thiện. Đục bỏ lớp vữa trát tường trong và ngoài nhà tại các vị trí ẩm mốc, bong tróc, trát lại bằng vữa xi măng, các vị trí còn lại cạo bỏ lớp sơn cũ. Lăn sơn lại toàn bộ 01 lớp lót và 02 lớp phủ. Tại các vị trí dầm, cột, sàn bị nứt đục lớp trát dọc theo vết nứt, trát lại hoàn thiện.

- Trần nhà: Đục bỏ lớp vữa trát tại các vị trí ẩm mốc, bong tróc, trát lại bằng vữa xi măng, các vị trí còn lại cạo bỏ lớp sơn cũ. Lăn sơn lại toàn bộ 01 lớp lót và 02 lớp phủ.

- Nền nhà: Phá dỡ lớp lát nền cũ, lát lại bằng gạch granite kích thước (600 x 600) mm.

- Khu vệ sinh: Bóc bỏ toàn bộ gạch lát nền, sàn cũ, vệ sinh xử lý chống thấm và lát gạch chống trơn kích thước (300 x 300) mm; bóc bỏ toàn bộ gạch ốp tường, ốp lại bằng gạch kích thước (300 x 600) mm cao 2,1 m; đục bỏ lớp vữa trát trần, trát lại bằng vữa xi măng; tháo dỡ, thay thế trần nhựa cũ, vách ngăn compact, thiết bị vệ sinh.

- Hệ thống cửa, hoa sắt, lan can: Tháo dỡ hệ thống cửa, vách kính hiện trạng, thay thế bằng cửa, vách khung nhôm hệ kính an toàn 6,38 mm; cạo bỏ, sơn lại hoa sắt cửa sổ, ô thoáng; tháo dỡ, thay thế lan can hành lang, thang bộ bằng lan can inox hộp.

- Bậc thang bộ, tam cấp: Bóc bỏ toàn bộ lớp granito mặt bậc, cổ bậc, vệ sinh và lát lại bằng đá granite.

- Sê nô, mái sảnh: Bóc bỏ lớp vữa trát lòng và thành sê nô, vệ sinh xử lý chống thấm và láng vữa tạo dốc về ga thu nước.

- Phần mái: Tháo dỡ, thay thế toàn bộ mái tôn; tháo dỡ, vệ sinh sơn lại hệ thống xà gồ, thay thế một số xà gồ đã hư hỏng.

- Điện, chống sét: Cải tạo hệ thống điện gồm dây dẫn cấp nguồn và các thiết bị điện trong các phòng học, thay mới các thiết bị điện trong khu vệ sinh, làm mới hệ thống mạng lan, chống sét.

- Cấp, thoát nước: Lắp đặt mới téc chứa nước mái; tháo dỡ, thay thế hệ thống cấp, thoát nước khu vệ sinh, hệ thống thoát nước mái (đường ống thoát nước, cầu chắn rác).

8.3. Hạng mục: Cải tạo nhà lớp học 02 tầng 10 phòng.

- Tường nhà: Bóc bỏ lớp vữa tường chân móng, trát và ốp gạch thẻ hoàn thiện. Đục bỏ lớp vữa trát tường trong và ngoài nhà tại các vị trí ẩm mốc, bong tróc, trát lại bằng vữa xi măng, các vị trí còn lại cạo bỏ lớp sơn cũ. Lăn sơn lại toàn bộ 01 lớp lót và 02 lớp phủ. Tại các vị trí dầm, cột, sàn bị nứt đục lớp trát dọc theo vết nứt, trát lại hoàn thiện.

- Trần nhà: Đục bỏ lớp vữa trát tại các vị trí ẩm mốc, bong tróc, trát lại bằng vữa xi măng, các vị trí còn lại cạo bỏ lớp sơn cũ. Lăn sơn lại toàn bộ 01 lớp lót và 02 lớp phủ.

- Nền nhà: Phá dỡ lớp lát nền cũ, lát lại bằng gạch granite kích thước (600 x 600) mm.

- Sê nô mái: Bóc bỏ lớp vữa trát lòng và thành sê nô, vệ sinh xử lý chống thấm và láng vữa tạo dốc về ga thu nước.

- Phần mái: Bóc bỏ lớp gạch chống nóng cũ, xây tường thu hồi, giằng tường BTCT, lắp dựng xà gồ thép hộp, lợp tôn.

- Hệ thống cửa, hoa sắt, lan can: Tháo dỡ hệ thống cửa, ô thoáng xây gạch hoa gió thang bộ hiện trạng, thay thế bằng cửa, vách khung nhôm hệ kính an toàn 6,38 mm; tháo dỡ, thay thế hoa sắt cửa sổ; phá dỡ lan can hành lang, thang bộ xây gạch bằng lan can inox hộp.

- Bậc thang bộ, tam cấp: Bóc bỏ toàn bộ lớp trát, ốp gạch mặt bậc, cổ bậc, vệ sinh và lát lại bằng đá granite.

- Thay mới dây nguồn cấp điện đến công trình; cải tạo hệ thống điện trong các phòng học gồm dây dẫn cấp nguồn và các thiết bị điện, làm mới hệ thống điện chiếu sáng hành lang, hệ thống mạng lan.

- Tháo dỡ, thay thế hệ thống thoát nước mái (đường ống thoát nước, cầu chắn rác).

8.4. Hạng mục: Cải tạo nhà lớp học 02 tầng 8 phòng.

- Tường nhà: Bóc bỏ lớp vữa tường chân móng, trát và ốp gạch thẻ hoàn thiện. Đục bỏ lớp vữa trát tường trong và ngoài nhà tại các vị trí ẩm mốc, bong tróc, trát lại bằng vữa xi măng, các vị trí còn lại cạo bỏ lớp sơn cũ. Lăn sơn lại toàn bộ 01 lớp lót và 02 lớp phủ. Tại các vị trí dầm, cột, sàn bị nứt đục lớp trát dọc theo vết nứt, trát lại hoàn thiện.

- Trần nhà: Đục bỏ lớp vữa trát tại các vị trí ẩm mốc, bong tróc, trát lại bằng vữa xi măng, các vị trí còn lại cạo bỏ lớp sơn cũ. Lăn sơn lại toàn bộ 01 lớp lót và 02 lớp phủ.

- Nền nhà: Phá dỡ lớp lát nền cũ, lát lại bằng gạch granite kích thước (600 x 600) mm.

- Hệ thống cửa, hoa sắt, lan can: Tháo dỡ hệ thống cửa, ô thoáng xây gạch hoa gió thang bộ hiện trạng, thay thế bằng cửa, vách khung nhôm hệ kính an toàn 6,38 mm; tháo dỡ, thay thế hoa sắt cửa sổ; phá dỡ lan can hành lang, thang bộ xây gạch bằng lan can inox hộp.

- Bậc cấp thang bộ, tam cấp: Bóc bỏ toàn bộ lớp trát, ốp gạch mặt bậc, cổ bậc, vệ sinh và lát lại bằng đá granite.

- Sê nô mái: Bóc bỏ lớp vữa trát lòng và thành sê nô, vệ sinh xử lý chống thấm và lán vữa tạo dốc về ga thu nước.

- Phần mái: Tháo dỡ, thay thế toàn bộ hệ thống xà gồ, mái tôn.

- Thay mới dây nguồn cấp điện đến công trình; cải tạo hệ thống điện trong các phòng học gồm dây dẫn cấp nguồn và các thiết bị điện, làm mới hệ thống điện chiếu sáng hành lang, hệ thống mạng lan.

- Tháo dỡ, thay thế hệ thống thoát nước mái (đường ống thoát nước, cầu chắn rác).

8.5. Hạng mục: Cải tạo nhà lớp học 02 tầng 4 phòng.

- Tường nhà: Bóc bỏ lớp vữa tường chân móng, trát và ốp gạch thẻ hoàn thiện. Đục bỏ lớp vữa trát tường trong và ngoài nhà tại các vị trí ẩm mốc, bong tróc, trát lại bằng vữa xi măng, các vị trí còn lại cạo bỏ lớp sơn cũ. Lăn sơn lại toàn bộ 01 lớp lót và 02 lớp phủ. Tại các vị trí dầm, cột, sàn bị nứt đục lớp trát dọc theo vết nứt, trát lại hoàn thiện.

- Trần nhà: Đục bỏ lớp vữa trát tại các vị trí ẩm mốc, bong tróc, trát lại bằng vữa xi măng, các vị trí còn lại cạo bỏ lớp sơn cũ. Lăn sơn lại toàn bộ 01 lớp lót và 02 lớp phủ.

- Nền nhà: Phá dỡ lớp lát nền cũ, lát lại bằng gạch granite kích thước (600 x 600) mm.

- Hệ thống cửa, hoa sắt, lan can: Tháo dỡ hệ thống cửa, ô thoáng xây gạch hoa gió thang bộ hiện trạng, thay thế bằng cửa, vách khung nhôm hệ kính an toàn 6,38 mm; tháo dỡ, thay thế hoa sắt cửa sổ; phá dỡ lan can hành lang, thang bộ xây gạch bằng lan can inox hộp.

- Bậc cấp thang bộ, tam cấp: Bóc bỏ toàn bộ lớp trát, granito mặt bậc, cổ bậc vệ sinh và lát lại bằng đá granite.

- Sê nô mái: Bóc bỏ lớp vữa trát lòng và thành sê nô, vệ sinh xử lý chống thấm và láng vữa tạo dốc về ga thu nước.
- Phần mái: Tháo dỡ, thay thế toàn bộ hệ thống xà gồ, mái tôn.
- Thay mới dây nguồn cấp điện đến công trình; cải tạo hệ thống điện trong các phòng học gồm dây dẫn cấp nguồn và các thiết bị điện, làm mới hệ thống điện chiếu sáng hành lang, hệ thống mạng lan.
- Tháo dỡ, thay thế hệ thống thoát nước mái (đường ống thoát nước, cầu chắn rác).

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công).

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 9903/SXD-HĐXD ngày 30/12/2024.

10. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 12.397.161.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	10.073.524.994 đồng;
- Chi phí thiết bị	:	117.180.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	257.804.964 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	:	992.518.947 đồng;
- Chi phí khác	:	117.017.882 đồng;
- Chi phí dự phòng	:	839.114.197 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

11. Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2026.

12. Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh bố trí 70% tổng mức đầu tư dự án từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi; phần còn lại 30% do ngân sách huyện Nông Cống đảm bảo.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

14. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 45/SXD-HĐXD ngày 03/01/2025.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Giao UBND huyện Nông Cống theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra

Chủ đầu tư thực hiện dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Nông Cống; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nông Cống; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Đầu Thanh Tùng;
- Lưu: VT, CN_{HĐXD_TM.01}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Nông Công I, huyện Nông Công
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	Chi phí xây dựng	9.243.101.994	830.423.000	10.073.524.994
1	Nhà hiệu bộ	1.191.464.168	106.093.318	1.297.557.486
2	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng học	3.896.392.223	348.416.087	4.244.808.310
3	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học	1.848.238.321	167.439.223	2.015.677.544
4	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	1.471.810.203	133.181.794	1.604.991.997
5	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng	835.197.079	75.292.578	910.489.657
II	Chi phí thiết bị	108.500.000	8.680.000	117.180.000
III	Chi phí quản lý dự án	257.804.964		257.804.964
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	920.384.448	72.134.499	992.518.947
1	Chi phí kiểm định chất lượng hiện trạng công trình	113.322.222	9.065.778	122.388.000
2	Chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	396.922.222	31.753.778	428.676.000
3	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	23.847.203	1.907.776	25.754.979
4	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	23.107.755	1.848.620	24.956.375
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	39.930.201	3.194.416	43.124.617
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	303.635.901	24.290.872	327.926.773
7	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	915.740	73.259	988.999
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	9.351.602		9.351.602
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	9.351.602		9.351.602
V	Chi phí khác	116.278.434	739.448	117.017.882
1	Chi phí bảo hiểm công trình	7.394.482	739.448	8.133.930
2	Phí TĐ dự án đầu tư xây dựng	588.865		588.865
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt QT	47.567.907		47.567.907
4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	60.727.180		60.727.180
VI	Chi phí dự phòng			839.114.197
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh			492.372.793
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá			346.741.404
	Tổng cộng (làm tròn)			12.397.161.000